

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024.

“V/v: Tranh chấp hôn nhân
Gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Trần Ngọc Điệp

2. Bà Bùi Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Ngụ Lê Mỹ Linh– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án -Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Lê Thị K, sinh năm 1997. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk

***Bị đơn:** Anh Nhân Văn S, sinh năm 1989. (Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do).

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Lê Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K và anh Nhân Văn S về chung sống với nhau năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Đắk

Lắc vào ngày 23/8/2017; kết hôn trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi về chung sống chị K và anh S sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị K và anh S bất đồng trong quan điểm sống, anh S ham chơi, thường xuyên tụ tập bạn bè, rượu chè, không chăm lo cho gia đình. Hiện nay, chị Lê Thị K nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị K và anh S có 02 con chung là Nhân Quang H – SN 15/3/2016, Nhân Lê Chí T – SN 05/11/2022. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng nuôi cả hai con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh Sinh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bị đơn anh Nhân Văn S tại thôn A, xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nhà của anh Nhân Văn S và trụ sở UBND xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk, và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp nhưng anh S không đến làm việc, vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không thể tiến hành làm bản tự khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án huyện Ea Súp căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị K và anh Nhân Văn S. Qua xác minh tại địa phương thì được biết chị K và anh S phát sinh mâu thuẫn từ khi về chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh S còn bị nghiện ma túy không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Hiện nay chị K và anh S đã sống ly thân với nhau. Quá trình giải quyết vụ án bản thân chị K nhất quyết xin được ly hôn với anh S, còn anh S không đến Tòa án làm việc, nên không thể tiến hành hoà giải được. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ

thâm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh S. Về con chung đề nghị giao cả hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị K và anh Nhân Văn S là vợ chồng, do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị K. Tại phiên tòa, anh S vắng mặt lần thứ hai, không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị K và anh S.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị K và anh Nhân Văn S về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/8/2017 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Anh S còn bị nghiện ma túy hiện nay đang được Ủy ban nhân dân xã C áp dụng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tại địa phương trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 10/3/2023. Xác minh tại thôn A, xã C, huyện S nơi chị K và anh S sinh sống, thì biết được vợ chồng chị K và anh S có xảy ra cãi nhau, xảy ra mâu thuẫn từ khi về chung sống với nhau, hiện nay, chị K đã về nhà bố mẹ đẻ sống nên chị K và anh S không còn chung sống với nhau được một thời gian, chị K là người đang nuôi 02 con chung. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị K kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh S. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận xử cho chị K được ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Lê Thị K và anh Nhân Văn S có 02 con chung là Nhân Quang H – SN 15/3/2016, Nhân Lê Chí T – SN 05/11/2022. Trong trường hợp ly hôn, chị K có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị K không yêu cầu anh Nhân Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của các con chung Nhân Quang H có mong muốn được ở với chị Lê Thị K. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, hiện nay chị K là người nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị K làm nghề nông có thu nhập ổn định còn anh S không có nghề nghiệp ổn định nên không xác định được thu nhập của anh S. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị K về yêu cầu nuôi con chung.

Chị K không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị K xác định chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị K và anh S có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị K

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nhân Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nhân Quang H – SN 15/3/2016, Nhân Lê Chí T – SN 05/11/2022 cho chị Lê Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Anh Nhân Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Lê Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, theo biên lai số AA/2023/0003501 ngày 19/12/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea Súp;
- Thi hành án huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trương Thành Huế